

Số: /BC-BCĐ

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022, phương hướng nhiệm vụ nâng cao chỉ số PCI năm 2023

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ tại Việt Nam (USAID) đã tổ chức công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022; Ban Chỉ đạo PCI tỉnh Thái Nguyên báo cáo đánh giá kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022, nhiệm vụ giải pháp trong thời gian tới như sau:

A. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Báo cáo PCI hàng năm là tập hợp tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp về chất lượng điều hành và môi trường kinh doanh cấp tỉnh. Năm 2022, với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và nỗ lực của các cấp, các ngành công tác cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh được tiến hành thường xuyên, liên tục, công tác hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp của các cấp chính quyền được triển khai đồng bộ, kịp thời. Chỉ số PCI năm 2022 đã tăng cả về điểm số và thứ hạng so với năm 2021, nhưng vẫn ở vị trí thấp so với khả năng và kỳ vọng của địa phương.

Năm 2022, Chỉ số PCI cấp tỉnh tiếp tục được đánh giá trên 10 chỉ số thành phần với 142 chỉ tiêu, tỉnh Thái Nguyên xếp thứ hạng 25/63 tỉnh, thành trong cả nước với số điểm đạt được là: 66,10 điểm (*tăng 1,29 điểm*), tăng 3 bậc so với năm 2021 và nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất. Cụ thể:

- Có 5/10 Chỉ số thành phần tăng điểm: Chỉ số Gia nhập thị trường đạt 7,45 điểm tăng 0,62 điểm so với năm 2021, Chỉ số Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất đạt 7,9 điểm, tăng 0,63 điểm; Chỉ số Tính minh bạch đạt 5,97 điểm, tăng 0,17 điểm; Chỉ số Chi phí không chính thức đạt 6,91 điểm, tăng 0,2 điểm; Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT đạt 7,91 điểm, tăng 0,44 điểm.

- Có 5/10 Chỉ số thành phần giảm điểm: Chi phí thời gian 6,53 điểm, giảm 0,5 điểm; Cạnh tranh bình đẳng 5,5 điểm, giảm 1,17 điểm; Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh 6,67 điểm, giảm 0,69 điểm (*chỉ số thành phần có trọng số cao nhất trong 10 chỉ số thành phần chiếm 15%*); Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp 5,41 điểm, giảm 0,21 điểm; Đào tạo lao động 6,33 điểm, giảm 0,65 điểm.

- Có 6/10 chỉ số thành phần xếp thứ hạng thấp hơn trung bình so với 63 tỉnh thành cả nước: Chi phí thời gian; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Cạnh tranh bình đẳng; Chi phí không chính thức; Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh; Tính minh bạch.

(có Biểu 01 kèm theo)

B. KẾT QUẢ CHỈ SỐ PCI TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

I. Các chỉ số có sự cải thiện tăng điểm số và thứ hạng (05 Chỉ số)

1. Chỉ số Gia nhập thị trường

Chỉ số Gia nhập thị trường được đánh giá bằng 19 chỉ tiêu, trong đó có 13 chỉ tiêu được đánh giá tích cực; 6 chỉ tiêu được đánh giá còn hạn chế thấp hơn mức trung vị. Kết quả đạt: 7,45 điểm tăng 0,62 điểm so với năm 2021, xếp thứ 5/63 tăng 29 bậc so với năm 2021, và đây là chỉ số có điểm số và thứ hạng tăng cao nhất trong 10 chỉ số thành phần của tỉnh Thái Nguyên.

(Có Phụ biểu 01: Chỉ số Gia nhập thị trường của tỉnh năm 2022 kèm theo)

- Đánh giá: Năm 2022, Chỉ số Gia nhập thị trường được các doanh nghiệp đánh giá các cấp chính quyền của tỉnh đã chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ có liên quan đến các chỉ tiêu của Chỉ số Gia nhập thị trường như: Cán bộ thực hiện nhiệm vụ tại bộ phận một cửa đã hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ; quy trình thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đảm bảo theo đúng quy định và không phát sinh thêm thời gian, chi phí; số ngày đăng ký doanh nghiệp có nhiều tiến bộ đã thực hiện cắt giảm thời gian trong thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu hạn chế như: thời gian thực hiện đăng ký doanh nghiệp vẫn còn kéo dài hơn mức trung vị của cả nước; vẫn còn doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động.

- Giải pháp để duy trì và tăng điểm của chỉ số:

+ Các sở, ban, ngành, địa phương tích cực đẩy mạnh tuyên truyền, để các tổ chức và cá nhân hiểu biết về quy trình giải quyết các thủ tục có liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động tham mưu triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện, rút ngắn thời gian đăng ký doanh nghiệp, điều chỉnh thời gian đăng ký doanh nghiệp như cam kết; hướng dẫn và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện nhanh các thủ tục đăng ký, bố cáo thành lập trong việc ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức nhất là công chức bộ phận một cửa. Có kế hoạch điều động, luân chuyển những cán bộ, công chức thường trực tại các bộ

phận một cửa, cán bộ thường xuyên tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp theo đúng quy định.

+ Sở Nội vụ chủ trì, cùng các ngành liên quan tham mưu hoàn thiện cơ chế một cửa trong giải quyết các thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng, đất đai ở cấp tỉnh, nhằm rút ngắn thời gian để các doanh nghiệp, nhà đầu tư gia nhập thị trường sản xuất kinh doanh.

+ Rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư ngoài ngân sách; rà soát thủ tục liên quan đến đầu tư sử dụng vốn ngân sách; hoàn thiện, công bố công khai thủ tục về bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ đầu tư từ quỹ hỗ trợ đầu tư.

2. Chỉ số Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất

Chỉ số Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất được đánh giá bằng 14 chỉ tiêu, trong đó: 10 chỉ tiêu được đánh giá trên mức trung vị; 02 chỉ tiêu ở mức trung vị; 02 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị. Kết quả: đạt 7,9 điểm, tăng 0,63 điểm, xếp thứ 2/63, tăng 20 bậc so với năm 2021. Đây là chỉ số tăng điểm cao nhất trong 5 chỉ số thành phần tăng điểm PCI của tỉnh năm 2022 và chỉ số này trong 3 năm gần đây đều tăng (*năm 2020 đạt 6,68 điểm, xếp thứ 31/63 tỉnh thành; năm 2021 đạt 7,27 điểm, tăng 0,59 điểm điểm so với năm 2020, xếp thứ 22/63 tỉnh, thành; Năm 2022 đạt 7,9 điểm, xếp thứ 2/63 tỉnh thành*).

(Có Phụ biểu 02: Chỉ số tiếp cận đất đai của tỉnh năm 2022 kèm theo)

- Đánh giá: Chỉ số Tiếp cận đất đai có ý nghĩa quan trọng nhất để nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh. Với sự nỗ lực của các cấp, các ngành trong năm 2022, Chỉ số tiếp cận đất đai của tỉnh đã tăng điểm và thứ hạng cao nhất trong 10 Chỉ số thành phần. Đa số các doanh nghiệp đều cho rằng việc tiếp cận với các thông tin, dữ liệu về đất đai đã thuận lợi và nhanh chóng hơn; không mất thời gian thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất ; cơ bản đã đáp ứng được quỹ đất sạch cho các nhà đầu tư. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như: Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ của doanh nghiệp là 30 ngày bằng số ngày trung vị của cả nước và năm 2021; một số ít doanh nghiệp còn gặp khó khăn thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai.

- Giải pháp để duy trì và tăng điểm của chỉ số:

+ Đẩy nhanh việc đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư có cơ hội thuận lợi để thuê đất đầu tư sản xuất kinh doanh.

+ Xây dựng nền hành chính công thực sự minh bạch, hiệu quả, đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động quản lý nhà nước và các dịch vụ công về đất đai, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp; quan tâm đến nhu cầu sử dụng đất của

doanh nghiệp; tổ chức tốt việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề xã hội liên quan đến đất đai.

+ Thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC liên quan đến đất đai, đảm bảo đúng quy định, đúng hẹn, không để hồ sơ tồn đọng, kéo dài, thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích và qua cổng dịch vụ công trực tuyến (cấp độ 3, cấp độ 4). Tăng cường quản lý, giám sát, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên đất đai, nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường.

+ Xử lý nghiêm các trường hợp công chức, viên chức vi phạm các quy định pháp luật về quản lý đất đai; sách nhiễu, lợi dụng quyền hạn để trục lợi trong giải quyết hồ sơ TTHC về cấp chứng nhận sử dụng đất cho doanh nghiệp và người dân.

+ Công bố công khai thủ tục liên quan đến cấp chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất khi thuê đất, khi thuê lại đất trong các khu, cụm công nghiệp.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đồng bộ các giải pháp theo quy định để cải thiện chỉ số Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất trong những năm tiếp theo.

3. Chỉ số Tính minh bạch

Chỉ số Tính minh bạch được đánh giá bằng 17 chỉ tiêu. Trong đó có 10 chỉ tiêu được đánh giá tích cực trên mức trung vị; 07 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị. Năm 2022, chỉ số đạt 5,97 điểm, tăng 0,17 điểm, xếp thứ 35/63 tỉnh, thành (*tăng 3 bậc so với năm 2021*).

(Có Phụ biểu 03: Chỉ số Tính minh bạch tỉnh Thái Nguyên năm 2022)

- Đánh giá: Chỉ số Tính minh bạch trong năm 2022 được đánh giá có sự tích cực hơn so với năm 2021, điều đó cho thấy tác động tích cực của chính quyền tỉnh trong việc thực hiện minh bạch hóa các loại tài liệu quy hoạch, kế hoạch, tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận các văn bản pháp lý, số lượng người truy cập Cổng thông tin điện tử tỉnh ngày càng tăng; thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp và người dân đối với các thông tin được cung cấp. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được nâng cấp công nghệ và hoạt động ổn định. Tuy nhiên, doanh nghiệp còn đánh giá các tài liệu trên website của tỉnh về các quy định của pháp luật; các văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh; các quy định về thủ tục hành chính cũng như các ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ đầu tư chưa làm hài lòng cộng đồng doanh nghiệp, chưa thật sự hữu ích. Việc tiếp cận các tài liệu, văn bản pháp lý và quy hoạch còn gặp khó khăn, chưa thuận lợi.

Chỉ số này không đòi hỏi phải có chi phí cao mà cần các cơ quan nhà nước tăng cường công tác tuyên truyền, đưa các thông tin về cơ chế chính sách mới, khuyến khích doanh nghiệp được tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng và

ban hành văn bản về cơ chế chính sách, tăng chất lượng tiện dụng và độ mở của các trang Web.

- Giải pháp để duy trì và tăng điểm của chỉ số:

+ Văn phòng UBND tỉnh bảo đảm việc cung cấp đầy đủ thông tin TTTC trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

+ Người đứng đầu cơ quan các cấp phải nâng cao trách nhiệm giải trình, cung cấp thông tin, chính sách, pháp luật có liên quan đến người dân, doanh nghiệp được hiểu rõ, đặc biệt các chính sách về thuế, phí..., công khai số điện thoại đường dây nóng để tiếp thu và giải quyết kịp thời các vướng mắc của người dân và doanh nghiệp,

+ Các ngành, các cấp phải tiếp tục duy trì và thực hiện thường xuyên việc rà soát về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến đầy đủ trên cổng thông tin điện tử hoặc cổng thông tin của cơ quan mình và dịch vụ công trực tuyến trên cổng thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

+ Đẩy mạnh công tác truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về tiếp cận và sử dụng thông tin cổng thông tin điện tử hoặc cổng thông tin của cơ quan nhà nước của tỉnh, C-THAINGUYEN, THAINGUYEN ID...

+ Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo về kỹ thuật để Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan nhà nước hoạt động ổn định, thông suốt, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

+ Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan phải tham khảo ý kiến người dân, cộng đồng doanh nghiệp trước khi tham mưu, ban hành chính sách liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

+ Phát huy hơn nữa vai trò của các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp; tăng cường vai trò là đầu mối tập hợp ý kiến các doanh nghiệp, hội viên về nội dung cơ chế chính sách của nhà nước liên quan, tạo sự gắn kết giữa nhà nước với doanh nghiệp.

4. Chỉ số Chi phí không chính thức

Chỉ số Chi phí không chính thức được đánh giá bằng 16 chỉ tiêu, trong đó: 6 chỉ tiêu được đánh giá tích cực trên mức trung vị; 10 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị. Năm 2022, đạt 6,91 điểm, xếp thứ 38/63, tăng 0,21 điểm, tăng 7 bậc xếp hạng so với năm 2021.

(Phụ biểu 05: Chỉ số Chi phí không chính thức của tỉnh Thái Nguyên năm 2022)

- Đánh giá: Năm 2022 Chỉ số Chi phí không chính thức đã được cải thiện tăng điểm số và thứ hạng so với năm 2021 nhưng vẫn xếp ở vị trí thấp so với trung bình cả nước. Mặc dù các thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị được

niêm yết công khai, công bố rộng rãi tại các đơn vị và trang thông tin điện tử; các khoản phí, lệ phí được công khai, minh bạch và kiểm soát chặt chẽ. Tuy nhiên, vẫn còn hành vi tiêu cực của cán bộ, công chức; tỷ lệ doanh nghiệp phải chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra cũng như trong thực hiện thủ tục hành chính về xây dựng, thuế, đất đai, môi trường còn cao. Đây là những vấn đề các cấp từ tỉnh đến cơ sở, ngành cần nhìn nhận, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công vụ, xử lý nghiêm, giải quyết triệt để nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Giải pháp để duy trì và nâng cao của chỉ số:

+ Tuyên truyền để mọi người dân, doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các nội dung trong quy chế một cửa liên thông, để hạn chế tối đa việc doanh nghiệp phải tiếp xúc trực tiếp với nhiều cơ quan chức năng trong giải quyết công việc.

+ Các sở, ngành, địa phương tập trung thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm cải thiện tốt Chỉ số chi phí không chính thức: Tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ để kịp thời phát hiện, xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng “tham nhũng vặt”, nhũng nhiễu, gây phiền hà doanh nghiệp của một bộ phận cán bộ, công chức, thanh tra chuyên ngành, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư, thị trường, thuế... Thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ tại các vị trí nhạy cảm, thực hiện nghiêm luật phòng chống tham nhũng, luật cán bộ, công chức...

+ Thực hiện tối đa việc đấu thầu các dự án đầu tư qua mạng theo quy định, giúp các bên mời thầu, nhà thầu tiếp cận thông tin một cách dễ dàng hơn, giảm thiểu thời gian và các chi phí thực hiện TTHC; rà soát, điều chỉnh, giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra chồng chéo, không cần thiết đối với doanh nghiệp.

+ Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, bình đẳng...giảm thiểu chi phí không chính thức.

+ Nâng cao kỷ cương, kỷ luật, trách nhiệm, chuyên nghiệp trong thực thi công vụ của công chức nhà nước khi giải quyết các công việc của doanh nghiệp.

5. Chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự

Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT được đánh giá bằng 18 chỉ tiêu, trong đó: 13 chỉ tiêu được đánh giá tích cực trên mức trung vị; 5 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị. Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT trong 5 năm gần đây điểm số đều tăng, năm 2022, đạt 7,91 điểm, tăng 0,44 điểm so với năm 2021, xếp thứ 16/63 tỉnh, thành phố; tăng 2 bậc so với năm 2021.

- Đánh giá: Phản ánh của chỉ số cho thấy doanh nghiệp đánh giá các vụ việc đã được cơ quan công an xử lý rất hiệu quả, tỷ lệ các vụ án kinh tế được giải quyết tăng cao, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh được đảm bảo, tỷ lệ doanh nghiệp bị trộm cắp hoặc đột nhập gần như thấp nhất cả nước. Tuy nhiên,

một số vấn đề còn hạn chế cần phải nhìn nhận khắc phục như: Doanh nghiệp đánh giá chưa cao chất lượng xét xử các vụ án kinh tế của Tòa án các cấp; chưa tin tưởng tuyệt đối vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng; vẫn còn tồn tại thực trạng doanh nghiệp phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn.

(Phụ biểu 10: Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT của tỉnh Thái Nguyên năm 2022)

- Giải pháp để duy trì và nâng cao của chỉ số:
 - + Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự, đo lường lòng tin của doanh nghiệp đối với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh, UBND tỉnh giao Công an tỉnh tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo quán triệt thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Chính phủ về công tác bảo đảm an ninh, trật tự (ANTT); đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành giải quyết ngay từ đầu, ổn định từ sớm các vụ việc nổi lên liên quan ANTT, tạo môi trường an ninh, an toàn cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và nhà đầu tư.
 - + Tòa án nhân dân tỉnh chú trọng nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giải quyết, xét xử các vụ án, đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.
 - + Các sở, ban, ngành chủ động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm do HĐND và UBND tỉnh ban hành, nhất là các văn bản liên quan đến lĩnh vực thuế, phí, lệ phí, tài chính, lao động, đầu tư, doanh nghiệp để tham mưu xử lý cho phù hợp. Công bố công khai các trình tự, thủ tục tố tụng, khiếu nại, tố cáo và quy định rõ thời gian giải quyết các vụ việc, đảm bảo được nhanh chóng, công bằng, hợp lý; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp trong việc lập thủ tục, hồ sơ khiếu nại, giải quyết tranh chấp về bản quyền, về hợp đồng kinh tế...
 - + Thanh tra tỉnh phối hợp các sở, ngành và đơn vị liên quan tiếp tục tham mưu UBND tỉnh cơ chế bảo vệ, hỗ trợ đối với doanh nghiệp tố cáo các hành vi sai phạm của CBNN để ngăn ngừa các hành vi trù dập doanh nghiệp (nếu có). Trực tiếp thanh tra kết luận các tiêu cực, những thiếu sót, xử lý đúng quy định pháp luật các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, tạo sự hài lòng về hệ thống pháp luật và cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo hành vi sai phạm của cán bộ nhà nước.

II. Các chỉ số giảm điểm số và thứ hạng (05 Chỉ số)

1. Chỉ số Chi phí thời gian

Chỉ số Chi phí thời gian được đánh giá bằng 14 chỉ tiêu. Trong đó có 5 chỉ tiêu được đánh giá tích cực trên mức trung vị; 9 chỉ tiêu bằng và thấp hơn mức trung vị. Năm 2022, chỉ số này đạt 6,53 điểm giảm 0,5 điểm, xếp thứ 56/63 tỉnh, thành, giảm 12 bậc xếp hạng so với năm 2021.

(Phụ biểu 04: Chỉ số Chi phí thời gian của tỉnh Thái Nguyên năm 2022)

- Đánh giá: Chỉ số Chi phí thời gian đã giảm điểm và thứ hạng hai năm liên tiếp. Mặc dù đã được các cấp chính quyền của tỉnh tích cực thực hiện cải cách hành chính, cắt giảm thời gian và nâng cao chất lượng giải quyết các thủ tục liên quan hành chính; các thủ tục, giấy tờ, phí và lệ phí được niêm yết công khai tại nơi làm thủ tục cũng như tại cổng thông tin điện tử của tỉnh, của các cơ quan, đảm bảo thuận tiện, dễ tiếp cận; các thủ tục hành chính cơ bản đã được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tuy nhiên vẫn còn số nhiều doanh nghiệp vẫn phải tiếp cận trực tiếp với cán bộ, công chức của các cơ quan đơn vị để tìm hiểu và được tư vấn hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật; thời gian một số cuộc thanh tra kiểm tra còn kéo dài gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Giải pháp để nâng cao chỉ số:

+ Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, trong giải quyết thủ tục hành chính; mỗi ngành, đơn vị, địa phương giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo mục tiêu kế hoạch của UBND tỉnh Thái Nguyên về thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

+ Tăng cường công tác truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về khả năng đáp ứng về công nghệ thông tin trong thực hiện các thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

+ Thực hiện đầy đủ quy định của Chính phủ về cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Tăng cường công tác thanh kiểm tra nội bộ, công vụ về cải cách hành chính nhằm hạn chế tối đa những hiện tượng lợi dụng công vụ gây phiền nhiễu (*tham nhũng vặt*).

+ Gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan với thời gian xử lý các thủ tục hành chính, nghiên cứu đề xuất rút gọn thời gian thực hiện quy trình các thủ tục hành chính phù hợp điều kiện thực tế.

+ Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan thực hiện rà soát, sắp xếp hợp lý các nội dung, chương trình, kế hoạch công tác, đặc biệt đối với nội dung thanh, kiểm tra doanh nghiệp; ứng dụng hiệu quả công tác chuyển đổi số trong quản lý thuế, phí, có giải pháp phù hợp cắt giảm thời gian thực hiện các cuộc thanh, kiểm tra lĩnh vực thuế.

2. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng được đánh giá bằng 11 chỉ tiêu, trong đó: 7 chỉ tiêu được đánh giá tích cực trên mức trung vị; 4 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị. Năm 2022 đạt 5,5 điểm, giảm 1,17 điểm so với năm 2021 và giảm 33 bậc xếp hạng đạt 47/63 tỉnh, thành (năm 2021 xếp hạng 14/63).

(Phụ biểu 06: Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của tỉnh Thái Nguyên năm 2022)

- Đánh giá: Đây là chỉ số có điểm số và thứ hạng giảm nhiều nhất trong 5 chỉ số thành phần giảm điểm năm 2022. Qua đánh giá nhiều doanh nghiệp đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh cho rằng các doanh nghiệp lớn có nhiều thuận lợi hơn các doanh nghiệp nhỏ và vừa; hợp đồng đất đai và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền; các doanh nghiệp lớn cũng dễ dàng tiếp cận các thông tin và có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước hơn các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời cũng nhanh chóng và thuận lợi hơn trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai, khai thác khoáng sản.

- Giải pháp để nâng cao chỉ số:

+ Tổ chức đối thoại chuyên đề, giải quyết và làm rõ những vướng mắc cho các doanh nghiệp, đảm bảo bình đẳng không phân biệt các loại hình doanh nghiệp.

+ Cần triển khai đầy đủ các quy định Luật Đấu thầu trong mua sắm hàng hóa; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất; đấu thầu trong các dự án sử dụng vốn đầu tư công...

+ Công khai kết quả trúng thầu trên mạng đấu thầu quốc gia, trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

+ Thực hiện công khai chính sách ưu đãi đầu tư bình đẳng giữa doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI theo quy định.

3. Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền

Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền được đánh giá bằng 09 chỉ tiêu, trong đó: 6 chỉ tiêu được đánh giá tích cực trên mức trung vị; 3 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị. Năm 2022 chỉ số này đạt 6,67 điểm, giảm 0,69 điểm so với năm 2021, xếp thứ 36/63 tỉnh, thành, giảm 25 bậc so với năm 2021.

(Phụ biểu 07: Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền năm 2022)

- Đánh giá: Chỉ số thành phần Tính năng động và tiên phong của chính quyền giảm điểm và giảm thứ hạng hai năm liên tiếp. Mặc dù doanh nghiệp đánh giá sự năng động, tinh thần tiên phong, thái độ làm việc có trách nhiệm và sự ủng hộ của chính quyền tỉnh đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, qua khảo sát có một số vấn đề tồn tại được doanh nghiệp phản ánh, đó là: Một số các cơ quan tham mưu cấp sở, ngành, chính quyền cấp huyện chưa thực hiện đúng, đầy đủ các chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh; Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành còn hạn chế, chất lượng chưa cao, vẫn còn hiện tượng ỷ lại vào cơ quan chủ trì hoặc chưa làm hết trách nhiệm.

- Giải pháp để nâng cao chỉ số:

+ Tiếp tục đổi mới phương thức đối thoại giữa lãnh đạo cấp tỉnh với doanh nghiệp, giải quyết đề nghị của doanh nghiệp một cách trực diện theo thẩm quyền của từng sở, ngành; giảm bớt việc lấy ý kiến của nhiều cơ quan cho một vấn đề đã rõ về thẩm quyền; gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, chính quyền các cấp trong công tác tham mưu, triển khai những chỉ đạo của UBND tỉnh và của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Cắt giảm tối đa việc tổ chức cuộc họp tại công sở, ngành tăng thời lượng đi cơ sở để trực tiếp giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp.

+ Lãnh đạo tỉnh; Ban Chỉ đạo PCI; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện tiếp tục đồng hành với doanh nghiệp để tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư, kinh doanh; đồng thời xây dựng và triển khai có chất lượng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng.

+ Đổi mới hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp thông qua các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp để doanh nghiệp hiểu và thực hiện đầu tư kinh doanh đúng quy định pháp luật.

4. Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được đánh giá bằng 13 chỉ tiêu, trong đó: 5 chỉ tiêu được đánh giá tích cực trên mức trung vị; 8 chỉ tiêu bằng và thấp hơn mức trung vị. Năm 2022, đạt 5,41 điểm, giảm 0,21 điểm so với năm 2021, xếp thứ 52/63.

(Phụ biểu 08: Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh Thái Nguyên năm 2022)

- Đánh giá: Chỉ số này năm 2022 tuy có giảm điểm nhưng lại tăng 7 bậc so với năm 2021. Mặc dù các cơ chế chính sách, các dịch vụ tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp được trú trọng triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc thực hiện các thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm công nghiệp và thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động chur được thuận tiện; việc cung cấp thông tin liên quan đến các hiệp định thương mại tự do chưa đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; việc thực hiện thủ tục để được hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do còn kém thuận lợi; các vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do chưa được giải đáp hiệu quả. Đây là những vấn đề mà tỉnh cần quan tâm giải quyết trong những năm tiếp theo để hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo hiệu quả.

- Giải pháp để nâng cao chỉ số:

+ Thực hiện phương châm: Đồng hành cùng doanh nghiệp, xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi nhất cho doanh nghiệp.

+ Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố thường xuyên, định kỳ tổ chức đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp; thực hiện tốt chương trình “ba đồng hành, năm hỗ trợ” cho doanh nghiệp.

+ Giao sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh về Kế hoạch cải thiện chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; tập trung nghiên cứu, đề xuất giải pháp, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh.

+ Đề xuất các giải pháp, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá tiêu thụ hàng hóa của tỉnh đến các tỉnh/thành trong cả nước và định hướng xuất khẩu.

+ Tạo quỹ đất sạch trong các khu, cụm công nghiệp để doanh nghiệp thuê đất đầu tư sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường công tác trợ giúp pháp lý đối với doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại, giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế và thực hiện tốt các chính sách liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTAs (Hiệp định thương mại tự do).

5. Chỉ số Đào tạo lao động

Chỉ số Đào tạo lao động được đánh giá bằng 11 chỉ tiêu, trong đó: 7 chỉ tiêu được đánh giá tích cực trên mức trung vị; 4 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị. Năm 2022, đạt 6,33 điểm, giảm 0,65 điểm so với năm 2021, xếp thứ 12/63 tỉnh, thành trong cả nước, giảm 7 bậc xếp hạng so với năm 2021.

(Phụ biểu 09: Chỉ số Đào tạo lao động của tỉnh Thái Nguyên năm 2022)

Đánh giá: Chỉ số Đào tạo lao động là chỉ số có lợi thế lớn của tỉnh, nhưng chỉ số này năm thứ ba liên tiếp giảm điểm. Mặc dù chất lượng các cơ sở giáo dục dạy nghề của tỉnh đã tăng; tỷ lệ lao động tại các doanh nghiệp đã được đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tăng đáng kể; việc tuyển dụng các cán bộ kỹ thuật tại tỉnh đã dễ dàng hơn. Tuy nhiên, thực tế doanh nghiệp đánh giá tỷ lệ chi phí tuyển dụng và đào tạo lao động trong tổng chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn cao; việc tuyển dụng các bộ quản lý, giám sát và lao động phổ thông tại tỉnh còn gặp nhiều khó khăn. Do vậy, các cơ quan chuyên môn cần tiếp tục có giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu lao động cho các doanh nghiệp để duy trì và nâng cao chỉ số Đào tạo lao động và việc làm của tỉnh trong những năm tiếp theo.

- Giải pháp để nâng cao chỉ số:

+ Cần gắn kết đào tạo giữa nhà trường với nhu cầu sử dụng lao động; cải thiện, nâng cao chất lượng lao động; tuyên truyền giáo dục hướng nghiệp cho người lao động; đẩy mạnh phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp, giáo dục văn hóa nghề nghiệp, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho người lao động; hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các trường, cơ sở đào tạo nghề.

+ Triển khai thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ đối với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ việc làm nhằm nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động.

+ Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao thứ hạng chỉ số Đào tạo lao động năm 2023 và các năm tiếp theo, đồng thời tuyên truyền giáo dục hướng nghiệp cho người lao động; tăng cường các hoạt động phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề để định hướng đào tạo theo nhu cầu thực tiễn; nghiên cứu, đề xuất giải pháp khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo lao động, cung ứng nguồn lao động chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh.

C. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẢI THIỆN KẾT CHỈ SỐ PCI 2023

1. Nhiệm vụ chung

- Các cấp, các ngành, các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Nghị quyết số 09 -NQ/TU ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Nghị quyết số 01/NQ-TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai hiệu quả Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, giai đoạn 2021-2030” theo Quyết định số 345/QĐ-TTg. Đồng thời, tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh về Phân công, chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023; Thực hiện có hiệu quả Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025; Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025; các Sở, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức Hội nghị đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Nhiệm vụ cụ thể

- Đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phòng chống tội phạm; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và tăng cường sự giám sát của Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính quyền các cấp tại địa phương đối với việc quản lý và hỗ trợ các nhà đầu tư thực hiện dự án, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn.

- UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo PCI của tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tập trung rà soát giải quyết dứt điểm, hiệu quả những vướng mắc mà các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp đã phản ánh. Đồng thời tiếp tục làm tốt công tác đối thoại, tiếp thu giải quyết những vướng mắc, kiến nghị của người dân, của doanh nghiệp và của các nhà đầu tư, nhất là về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; xây dựng, đầu tư trên cơ sở đó chỉ đạo các cơ quan chức năng đề xuất, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết, tháo gỡ kịp thời cho doanh nghiệp và cho các nhà đầu tư.

- Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan căn cứ vào kết quả đánh giá xếp hạng Chỉ số PCI năm 2022, cụ thể là các chỉ tiêu, chỉ số thành phần có điểm số thấp, đặc biệt là các chỉ tiêu giảm điểm thấp hơn các năm trước liên quan đến trách nhiệm của ngành, lĩnh vực tham mưu quản lý phải nghiêm túc đánh giá chỉ ra các mặt hạn chế, khuyết điểm, xây dựng nhiệm vụ cụ thể để nâng cao điểm số các chỉ số thành phần PCI năm 2023 và các năm tiếp theo, đồng thời, chủ động tham mưu cho Ban Chỉ đạo PCI của tỉnh các giải pháp triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2023 được tốt hơn.

- Tập trung đẩy mạnh thực hiện chính quyền điện tử, chuyển đổi số hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp của các cấp chính quyền.

- Người đứng đầu các Sở, ngành, địa phương phải quán triệt, triển khai ngay tinh thần chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh đến cán bộ, công chức trong cơ quan, tăng cường thanh kiểm tra trách nhiệm công vụ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nhất là liên quan đến vấn đề đất đai, xây dựng, thủ tục đầu tư, chỉ ra được nguyên nhân để xử lý kịp thời, nghiêm những cán bộ những nhiều, vởi vĩnh doanh nghiệp, chậm trễ trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền thực hiện nghiêm túc việc điều động, luân chuyển, thay đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức trong lĩnh vực để phát sinh tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

- Tiếp tục tuyên truyền đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới; rà soát đơn giản hóa các TTHC, nhất là đối với các TTHC liên quan đến doanh nghiệp, cấp phép đầu tư, đăng ký kinh doanh; đấu thầu, xây dựng; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất,... và đẩy

manh ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Khuyến khích người dân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Tuyên truyền để người dân, tổ chức và doanh nghiệp về việc gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Công khai, minh bạch quy trình giải quyết TTHC, quy hoạch dự án đầu tư trên Cổng dịch vụ công và các phương tiện thông tin, truyền thông, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin để thu hút các nhà đầu tư đến với tỉnh cũng như kịp thời giải quyết phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp về các quy định hành chính TTHC.

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh, giảm chi phí giao dịch của doanh nghiệp.

- Tổ chức đa dạng hoạt động xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư, các dự án có quy mô phù hợp với quy hoạch tỉnh tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và phát huy tốt các lợi thế của địa phương;

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động đối thoại, gặp mặt doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Hội, Hiệp hội doanh nghiệp nhằm tăng cường liên kết và phát triển bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp địa phương.

- Các cơ quan truyền thông, các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp tỉnh, các Hội doanh nghiệp các huyện, thành phố tăng cường tuyên truyền, phổ biến các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Thái Nguyên năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023, Ban Chỉ đạo PCI tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./. *K*

Nơi nhân:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo PCI tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH. *u*

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



GIÁM ĐỐC SƠ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Hà Văn Dương

BIỂU 01: TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chỉ tiêu	Điểm số PCI	CSTP 1: Gia nhập thị trường	CSTP 2: Tiếp cận đất đai	CSTP 3: Tỉnh Minh bạch	CSTP 4: Chi phí thời gian	CSTP 5: Chi phí không chính thức	CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng	CSTP 7: Tính năng động và tiên phong của chính quyền	CSTP 8: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	CSTP 9: Đào tạo lao động	CSTP 10: Thiết chế pháp lý & ANTT
Năm 2021	64,81	6,83	7,27	5,80	7,03	6,70	6,67	7,36	5,62	6,98	7,47
Thứ hạng	28	34	22	38	44	45	14	11	59	5	18
Năm 2022	66,10	7,45	7,90	5,97	6,53	6,91	5,50	6,67	5,41	6,33	7,91
Thứ hạng	25	5	2	35	56	38	47	36	52	12	16
Thấp nhất	59,58	6,32	5,76	4,54	5,70	5,32	4,19	6,07	4,59	3,73	6,50
Trung vị	65,22	6,95	6,98	6,02	7,37	6,98	6,06	6,71	5,82	5,52	7,51
Cao nhất	72,95	7,93	7,94	7,10	8,54	8,02	7,36	7,66	7,04	7,67	8,60
Thư hạng	25	5	2	35	56	38	47	36	52	12	16
Tăng giảm điểm số 2022/2021	+ 1,29	+ 0,62	+ 0,63	+ 0,17	- 0,5	+ 0,21	- 1,17	- 0,69	- 0,21	- 0,65	+ 0,44

PHỤ BIỂU 01: CHỈ SỐ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chỉ tiêu	CSTP 1: Gia nhập thị trường	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)*	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên	Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)*	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khải (% DN Đồng ý)	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý)
Năm 2022	7,45	11,50	0%	6	76%	97%	87%	77%	73%	77%
Thấp nhất	6,32	5	0%	3	14%	37%	30%	30%	10%	0%
Trung vị	6,95	7	6%	7	69%	93%	80%	73%	68%	50%
Cao nhất	7,93	15	16%	14	100%	100%	100%	100%	100%	93%
Xếp hạng	5	62	1	22	18	16	17	25	22	13
Chỉ tiêu	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý) -	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý)	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý)	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%)	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)
Năm 2022	32%	30%	32%	32%	32%	8%	8%	18%	10%	3%
Thấp nhất	12%	11%	12%	11%	10%	0%	0%	4%	0%	0%
Trung vị	29%	27%	29%	27%	28%	4%	3%	12%	7%	0%
Cao nhất	60%	57%	64%	47%	47%	17%	17%	28%	28%	13%
Xếp hạng	23	22	17	14	16	55	52	53	44	53

PHỤ BIỂU 02: CHỈ SỐ TIẾP CẬN ĐẤT ĐẠI TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chỉ tiêu	CSTP 2: Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (Trung vị)	DN tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về giải phóng mặt bằng chậm (%)	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc vẫn bản quy định (%)	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)
Năm 2022	7,90	30,00	0,63	4%	8%	8%	50%	24%
Thấp nhất	5,76	8,00	0,19	0%	0%	4%	0%	7%
Trung vị	6,98	30,00	0,48	17%	14%	23%	63%	31%
Cao nhất	7,94	415,00	0,74	47%	54%	41%	100%	62%
Xếp hạng	2	25	8	2	10	3	13	12

Chỉ tiêu	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%)	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/lo ngại cán bộ những nhiều (%)	Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai
Năm 2022	0%	1,61	29%	83%	79%	22%	64%
Thấp nhất	0%	1,34	7%	53%	24%	5%	14%
Trung vị	29%	1,69	26%	73%	80%	22%	43%
Cao nhất	100%	2,21	47%	86%	90%	57%	100%
Xếp hạng	1	25	24	13	36	31	51

PHỤ BIỂU 03: CHỈ SỐ TÍNH MINH BẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chỉ tiêu	CSTP 3: Tỉnh minh bạch	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thế; 5=Rất dễ)	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thế; 5=Rất dễ)	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)
Năm 2022	5,97	3,13	3,18	17%	82%	8	41%	61%	39%
Thấp nhất	4,54	2,68	2,84	11%	25%	1	11%	39%	13%
Trung vị	6,02	3,04	3,15	32%	71%	5	29%	63%	34%
Cao nhất	7,10	3,35	3,54	74%	100%	12	50%	80%	54%
Xếp hạng	35	21	30	51	22	59	11	39	19
Chỉ tiêu	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý)	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phân biên chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% DN)	Khả năng dự hiệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	Khả năng dự hiệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể)	Chất lượng website của tỉnh	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)
Năm 2022	41%	22%	75%	26%	82%	22%	22%	56,88	30%
Thấp nhất	26%	14%	27%	20%	33%	11%	11%	35,66	15%
Trung vị	43%	36%	54%	35%	68%	28%	28%	52,61	42%
Cao nhất	67%	57%	87%	78%	86%	58%	56%	62,90	63%
Xếp hạng	40	11	54	5	5	45	44	13	53

PHỤ BIỂU 04: CHỈ SỐ CHI PHÍ THỜI GIAN TÌNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chỉ tiêu	CSTP 4: Chi phí thời gian	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định của pháp luật của Nhà nước (%)	Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% Đồng ý)	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	Thu tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	Phí, lệ phí được công khai (% Đồng ý)	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% Đồng ý)
Năm 2022	6,53	20%	87%	89%	86%	88%	95%	91%
Thấp nhất	5,70	6%	73%	78%	71%	67%	88%	73%
Trung vị	7,37	20%	87%	89%	82%	81%	94%	86%
Cao nhất	8,54	36%	96%	96%	92%	90%	99%	94%
Thứ hạng	56	32	28	29	19	5	20	10
Chỉ tiêu	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý)	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý)	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý)	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp (%)	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	
Năm 2022	42%	39%	38%	4%	7%	7%	24	
Thấp nhất	38%	38%	37%	0%	2%	0%	2	
Trung vị	64%	63%	63%	7%	7%	10%	9	
Cao nhất	83%	86%	86%	21%	39%	26%	38	
Thứ hạng	59	62	60	9	27	19	40	

PHỤ BIỂU 05: CHỈ SỐ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC TÍNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chỉ tiêu	CSTP 5: Chi phí không chính thức	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý)	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	Hiện tượng những giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	Tỷ lệ DN trả CPKCT trả CPKCT trả cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thủ tục đất đai (% DN)	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	
Năm 2022	6,91	63%	73%	82%	95%	5%	8%	5%	47%	54%	0%	36%
Thấp nhất	5,32	22%	35%	49%	79%	2%	0%	0%	0%	0%	0%	13%
Trung vị	6,98	43%	59%	72%	89%	14%	7%	19%	19%	7%	19%	33%
Cao nhất	8,02	81%	85%	88%	96%	38%	32%	69%	69%	32%	69%	52%
Thứ hạng	38	52	11	57	3	4	37	1	42			42
Chi tiêu	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%)	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%)	Tỷ lệ DN trả CPKCT trả cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thủ tục đất đai (% DN)	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)				
Năm 2022	60%	50%	78%	88%	3%	47%	54%	16%				
Thấp nhất	0%	0%	8%	0%	0,56%	17%	19%	0%				
Trung vị	29%	47%	39%	80%	3,82%	40%	36%	16%				
Cao nhất	75%	88%	84%	100%	19,23%	84%	85%	32%				
Thứ hạng	58	33	59	46	25	45	58	29				

PHỤ BIỂU 06: CHỈ SỐ CHI PHÍ CẠNH TRANH BÌNH DẰNG TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chi tiêu	CST P 6: Cạnh tranh bình đẳng	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý)	Tình ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	Tình ưu tiên thu hút từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Đề dăng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Việc ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% Đồng ý)
Năm 2021	5,50	92%	77%	28%	54%	39%	7%	10%	20%	29%	75%	79%
Thấp nhất	4,19	54%	35%	18%	29%	17%	4%	0%	15%	16%	29%	31%
Trung vị	6,06	83%	59%	30%	55%	33%	20%	13%	30%	33%	58%	58%
Cao nhất	7,36	92%	88%	69%	86%	59%	52%	34%	52%	57%	85%	90%
Thứ hạng	47	1	57	28	30	41	4	20	7	22	58	58

PHỤ BIỂU 07: CHỈ SỐ TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ TIÊN PHONG CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chỉ tiêu	CSTP	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% DN)	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý)	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% Đồng ý)	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý)	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý)	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình
Năm 2022	6,67	66%	14%	75%	94%	86%	76%	91%	32%	85%
Thấp nhất	6,07	31%	9%	25%	61%	53%	26%	51%	21%	54%
Trung vị	6,71	64%	19%	45%	86%	80%	50%	80%	50%	77%
Cao nhất	7,66	88%	58%	82%	96%	95%	85%	93%	69%	90%
Thứ hạng	36	27	16	57	4	12	57	6	56	8

PHỤ BIỂU 08: CHỈ SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chỉ tiêu	CSTP 8: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DN/NVV để thực hiện (%)	Thủ tục để được QONN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp để thực hiện (%)	Thủ tục để được giảm giá thuế mặt bằng tại khu/cụm CN là để thực hiện (%)	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của QONN để thực hiện (%)	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin, thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của QONN để thực hiện (%)	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để thực hiện (%)
Năm 2022	5,41	76%	82%	74%	87%	76%	78%
Thấp nhất	4,59	17%	33%	60%	64%	66%	71%
Trung bình	5,82	71%	70%	75%	77%	76%	78%
Cao nhất	7,04	100%	100%	86%	87%	86%	91%
Xếp hạng	52	28	7	39	1	33	34
Chỉ tiêu	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực hiện (%)	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các QONN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng)	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được QONN địa phương giải đáp hiệu quả (%)	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%)	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)
Năm 2022	77%	48%	55%	48%	3%	0,32%	56%
Thấp nhất	67%	15%	41%	5%	0%	0,32%	14%
Trung bình	79%	33%	57%	16%	15%	1,38%	85%
Cao nhất	87%	72%	69%	56%	70%	7,14%	100%
Xếp hạng	42	7	37	4	50	63	57

PHỤ BIỂU 09: CHỈ SỐ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG TÌNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chỉ tiêu	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là để dàng (%)	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là để dàng (%)	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là để dàng (%)	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (%) (Đồng ý)	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%), (TCTK)	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%)	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (%) (Đồng ý)	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDP T)
Năm 2022	66,33	43%	20%	6,40	10,82	65%	59,57	35,40	54%	77%	6,21
Thấp nhất	3,73	8%	10%	1,93	2,37	24%	29,83	10,66	19%	24%	5,62
Trung vị	5,52	35%	31%	6,09	7,12	50%	48,55	23,37	39%	58%	6,29
Cao nhất	7,67	83%	62%	10,89	12,90	69%	69,68	50,27	69%	78%	7,05
Thứ hạng	12	18	54	38	62	8	3	6	9	5	40

PHỤ BIỂU 10: CHỈ SỐ THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN TT TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Chỉ tiêu	CSTP 10: Thiết chế pháp lý & ANTT	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đang pháp luật (% Đồng ý)	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	Phần quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp có tranh chấp (% Đồng ý)	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)
Năm 2022	7,91	30%	88%	68%	80%	91%	91%	90%	90%	88%
Thấp nhất	6,50	16%	82%	39%	40%	86%	75%	73%	73%	46%
Trung vị	7,51	43%	92%	65%	58%	92%	88%	88%	89%	81%
Cao nhất	8,60	67%	99%	81%	85%	98%	95%	94%	95%	92%
Xếp hạng	16	55	55	24	2	37	8	17	23	8

Chỉ tiêu	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Phán quyết của tòa án là công bằng (% Đồng ý)	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh (% TANDTC)	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% TANDTC)	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiện quả (%)	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	
Năm 2022	88%	91%	1,67	98%	69%	88%	5%	93%	2%	
Thấp nhất	41%	83%	0,09	25%	40%	59%	1%	66%	0%	
Trung vị	77%	91%	1,51	88%	76%	78%	6%	87%	1%	
Cao nhất	90%	98%	14,44	99%	100%	92%	16%	100%	4%	
Xếp hạng	5	33	26	4	45	6	22	19	55	

